



Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/ABS-DVCK22

Hà Nội, ngày 02 tháng 08 năm 2022

**BÁO CÁO DANH MỤC CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN
GIAO DỊCH KÝ QUỸ THÁNG 07/2022**

Kính gửi: Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam

Công ty CP chứng khoán An Bình xin báo cáo Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ như sau:

1. Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ trên Sở GDCK Hà Nội

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
1	AAV			AAV
2	ADC			ADC
3	AME			AME
4	AMV			AMV
5	ART			ART
6	BAX			BAX
7	BBS			BBS
8	BCC			BCC
9	BED			BED
10	BPC			BPC
11	BSC			BSC
12	BST			BST
13	BTS			BTS
14	BTW			BTW
15	BVS			BVS
16	C69			C69
17	CAG			CAG
18	CAN			CAN
19	CAP			CAP
20	CDN			CDN
21	CLH			CLH
22	CLM			CLM
23	CPC			CPC

24	CTT			CTT
25	CVN			CVN
26	D11			D11
27	DAD			DAD
28	DAE			DAE
29	DDG			DDG
30	DHT			DHT
31	DNP			DNP
32	DP3			DP3
33	DPC			DPC
34	DS3			DS3
35	DTD			DTD
36	DXP			DXP
37	EID			EID
38	EVS			EVS
39	GDW			GDW
40	GKM			GKM
41	GLT			GLT
42	GMX			GMX
43	HAD			HAD
44	HAT			HAT
45	HBS			HBS
46	HCC			HCC
47	HCT			HCT
48	HDA			HDA
49	HEV			HEV
50	HHC			HHC
51	HJS			HJS
52	HLD			HLD
53	HMH			HMH
54	HTC			HTC
55	HTP			HTP
56	HUT			HUT
57	ICG			ICG
58	IDC			IDC
59	IDV			IDV
60	INN			INN
61	KLF			KLF
62	KST			KST
63	L14			L14
64	LAS			LAS
65	LBE			LBE
66	LCD			LCD
67	LHC			LHC
68	LIG			LIG

69	MBG			MBG
70	MBS			MBS
71	MCC			MCC
72	MCO			MCO
73	MDC			MDC
74	MST			MST
75	NAG			NAG
76	NAP			NAP
77	NBC			NBC
78	NBP			NBP
79	NBW			NBW
80	NDN			NDN
81	NET			NET
82	NHC			NHC
83	NTH			NTH
84	NTP			NTP
85	NVB			NVB
86	PCE			PCE
87	PCT			PCT
88	PGN			PGN
89	PHN			PHN
90	PIA			PIA
91	PLC			PLC
92	PMB			PMB
93	PMC			PMC
94	PMS			PMS
95	PPP			PPP
96	PSC			PSC
97	PTI			PTI
98	PTS			PTS
99	PVC			PVC
100	PVI			PVI
101	PVS			PVS
102	QHD			QHD
103	QST			QST
104	RCL			RCL
105	S55			S55
106	S99			S99
107	SAF			SAF
108	SCI			SCI
109	SD5			SD5
110	SD6			SD6
111	SDG			SDG
112	SDN			SDN
113	SED			SED

114	SFN			SFN
115	SGC			SGC
116	SHE			SHE
117	SHN			SHN
118	SHS			SHS
119	SIC			SIC
120	SJ1			SJ1
121	SLS			SLS
122	SMN			SMN
123	SRA			SRA
124	STC			STC
125	SZB			SZB
126	TAR			TAR
127	TC6			TC6
128	TDN			TDN
129	TDT			TDT
130	TET			TET
131	TIG			TIG
132	TMB			TMB
133	TMX			TMX
134	TNG			TNG
135	TPH			TPH
136	TPP			TPP
137	TSB			TSB
138	TTL			TTL
139	TTT			TTT
140	TV3			TV3
141	TVC			TVC
142	TVD			TVD
143	VC3			VC3
144	VC6			VC6
145	VC7			VC7
146	VCM			VCM
147	VCS			VCS
148	VE2			VE2
149	VE3			VE3
150	VE4			VE4
151	VGS			VGS
152	VHE			VHE
153	VIT			VIT
154	VMC			VMC
155	VMS			VMS
156	VNC			VNC
157	VNR			VNR
158	VSA			VSA

159	VSM			VSM
160	VTV			VTV
161	WCS			WCS
162			ALT	ALT
163			APS	APS
164			ARM	ARM
165			ATS	ATS
166			BAB	BAB
167			BCF	BCF
168			BDB	BDB
169			CMC	CMC
170			CSC	CSC
171			CTB	CTB
172			CTP	CTP
173			DIH	DIH
174			DL1	DL1
175			DNC	DNC
176			DNM	DNM
177			DTK	DTK
178			DVG	DVG
179			FID	FID
180			GIC	GIC
181			GMA	GMA
182			HLC	HLC
183			HOM	HOM
184			HVT	HVT
185			INC	INC
186			ITQ	ITQ
187			KHS	KHS
188			KTS	KTS
189			L18	L18
190			MEL	MEL
191			MKV	MKV
192			MVB	MVB
193			NDX	NDX
194			NFC	NFC
195			PDB	PDB
196			PIC	PIC
197			PJC	PJC
198			PPS	PPS
199			PPY	PPY
200			PRC	PRC
201			PRE	PRE
202			PSD	PSD
203			PSE	PSE

204			PSI	PSI
205			PSW	PSW
206			PVG	PVG
207			QTC	QTC
208			SDC	SDC
209			SEB	SEB
210			STP	STP
211			SVN	SVN
212			TBX	TBX
213			THD	THD
214			THT	THT
215			TJC	TJC
216			TKU	TKU
217			TMC	TMC
218			TV4	TV4
219			VBC	VBC
220			VC2	VC2
221			VE8	VE8
222			VHL	VHL
223			VIF	VIF
224			VNF	VNF
225			X20	X20

2. Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ trên Sở GDCK Hồ Chí Minh

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
1	AAA			AAA
2	ABS			ABS
3	ACB			ACB
4	ACC			ACC
5	ACL			ACL
6	AGG			AGG
7	AGR			AGR
8	AMD			AMD
9	ANV			ANV
10	APG			APG
11	ASM			ASM
12	ASP			ASP

13	BBC			BBC
14	BCE			BCE
15	BCG			BCG
16	BCM			BCM
17	BFC			BFC
18	BIC			BIC
19	BID			BID
20	BMC			BMC
21	BMI			BMI
22	BMP			BMP
23	BRC			BRC
24	BSI			BSI
25	BTP			BTP
26	BTT			BTT
27	BVH			BVH
28	BWE			BWE
29	C32			C32
30	C47			C47
31	CAV			CAV
32	CCI			CCI
33	CCL			CCL
34	CDC			CDC
35	CKG			CKG
36	CLC			CLC
37	CLL			CLL
38	CLW			CLW
39	CMG			CMG
40	CNG			CNG
41	COM			COM
42	CRC			CRC
43	CRE			CRE
44	CSM			CSM
45	CSV			CSV
46	CTD			CTD
47	CTF			CTF
48	CTG			CTG
49	CTS			CTS
50	CVT			CVT
51	D2D			D2D
52	DAT			DAT

53	DBC			DBC
54	DBD			DBD
55	DC4			DC4
56	DCL			DCL
57	DCM			DCM
58	DGC			DGC
59	DGW			DGW
60	DHA			DHA
61	DHC			DHC
62	DHG			DHG
63	DIG			DIG
64	DMC			DMC
65	DPG			DPG
66	DPM			DPM
67	DPR			DPR
68	DRC			DRC
69	DRH			DRH
70	DRL			DRL
71	DSN			DSN
72	DTT			DTT
73	DVP			DVP
74	DXG			DXG
75	EIB			EIB
76	ELC			ELC
77	EMC			EMC
78	EVG			EVG
79	FCN			FCN
80	FIT			FIT
81	FMC			FMC
82	FPT			FPT
83	FRT			FRT
84	FTS			FTS
85	GAB			GAB
86	GAS			GAS
87	GDT			GDT
88	GEG			GEG
89	GEX			GEX
90	GIL			GIL
91	GMC			GMC
92	GMD			GMD

93	GSP			GSP
94	GTA			GTA
95	GVR			GVR
96	HAH			HAH
97	HAP			HAP
98	HAR			HAR
99	HAX			HAX
100	HBC			HBC
101	HCD			HCD
102	HCM			HCM
103	HDB			HDB
104	HDC			HDC
105	HDG			HDG
106	HHP			HHP
107	HHS			HHS
108	HII			HII
109	HMC			HMC
110	HPG			HPG
111	HPX			HPX
112	HQC			HQC
113	HSG			HSG
114	HSL			HSL
115	HT1			HT1
116	HTI			HTI
117	HTL			HTL
118	HTN			HTN
119	HTV			HTV
120	HUB			HUB
121	HVH			HVH
122	IDI			IDI
123	IJC			IJC
124	ILB			ILB
125	IMP			IMP
126	ITA			ITA
127	ITC			ITC
128	KBC			KBC
129	KDC			KDC
130	KDH			KDH
131	KHG			KHG
132	KMR			KMR

133	KOS			KOS
134	KPF			KPF
135	KSB			KSB
136	L10			L10
137	LBM			LBM
138	LCG			LCG
139	LDG			LDG
140	LGC			LGC
141	LHG			LHG
142	LIX			LIX
143	LPB			LPB
144	LSS			LSS
145	MBB			MBB
146	MDG			MDG
147	MIG			MIG
148	MSB			MSB
149	MSN			MSN
150	MWG			MWG
151	NAF			NAF
152	NAV			NAV
153	NBB			NBB
154	NCT			NCT
155	NHA			NHA
156	NKG			NKG
157	NLG			NLG
158	NNC			NNC
159	NSC			NSC
160	NT2			NT2
161	NTL			NTL
162	NVL			NVL
163	OCB			OCB
164	OPC			OPC
165	PAC			PAC
166	PAN			PAN
167	PC1			PC1
168	PDN			PDN
169	PDR			PDR
170	PET			PET
171	PGD			PGD
172	PGI			PGI

173	PHC			PHC
174	PHR			PHR
175	PLX			PLX
176	PNJ			PNJ
177	POW			POW
178	PPC			PPC
179	PSH			PSH
180	PTB			PTB
181	PVD			PVD
182	PVT			PVT
183	RAL			RAL
184	REE			REE
185	SAB			SAB
186	SAM			SAM
187	SAV			SAV
188	SBA			SBA
189	SBT			SBT
190	SBV			SBV
191	SCR			SCR
192	SCS			SCS
193	SFC			SFC
194	SFG			SFG
195	SFI			SFI
196	SGN			SGN
197	SHA			SHA
198	SHB			SHB
199	SHI			SHI
200	SHP			SHP
201	SJS			SJS
202	SMB			SMB
203	SMC			SMC
204	SPM			SPM
205	SRC			SRC
206	SSC			SSC
207	SSI			SSI
208	ST8			ST8
209	STB			STB
210	STK			STK
211	SVC			SVC
212	SVI			SVI

213	SVT			SVT
214	SZC			SZC
215	SZL			SZL
216	TCB			TCB
217	TCD			TCD
218	TCH			TCH
219	TCL			TCL
220	TCM			TCM
221	TCO			TCO
222	TCT			TCT
223	TDC			TDC
224	TDM			TDM
225	TDW			TDW
226	THG			THG
227	THI			THI
228	TIP			TIP
229	TLD			TLD
230	TLG			TLG
231	TLH			TLH
232	TMP			TMP
233	TMS			TMS
234	TMT			TMT
235	TNA			TNA
236	TNC			TNC
237	TPB			TPB
238	TRA			TRA
239	TRC			TRC
240	TSC			TSC
241	TTB			TTB
242	TV2			TV2
243	TVB			TVB
244	TYA			TYA
245	UIC			UIC
246	VCB			VCB
247	VCF			VCF
248	VCG			VCG
249	VCI			VCI
250	VDP			VDP
251	VDS			VDS
252	VGC			VGC

253	VHC			VHC
254	VHM			VHM
255	VIB			VIB
256	VID			VID
257	VIP			VIP
258	VIX			VIX
259	VJC			VJC
260	VND			VND
261	VNE			VNE
262	VNL			VNL
263	VNM			VNM
264	VPB			VPB
265	VPD			VPD
266	VPG			VPG
267	VPI			VPI
268	VRC			VRC
269	VRE			VRE
270	VSC			VSC
271	VSH			VSH
272	VSJ			VSJ
273	VTO			VTO
274			AAT	AAT
275			ABT	ABT
276			ADG	ADG
277			ADS	ADS
278			AGM	AGM
279			APH	APH
280			ASG	ASG
281			BKG	BKG
282			CHP	CHP
283			CMX	CMX
284			DAG	DAG
285			DBT	DBT
286			DHM	DHM
287			DQC	DQC
288			DXS	DXS
289			EVE	EVE
290			FCM	FCM
291			HID	HID
292			HRC	HRC

293			HVX	HVX
294			IBC	IBC
295			LAF	LAF
296			LEC	LEC
297			LGL	LGL
298			LM8	LM8
299			MCP	MCP
300			MHC	MHC
301			MSH	MSH
302			NHH	NHH
303			PGC	PGC
304			PLP	PLP
305			QCG	QCG
306			S4A	S4A
307			SGT	SGT
308			SSB	SSB
309			STG	STG
310			SVD	SVD
311			TBC	TBC
312			TDG	TDG
313			TDP	TDP
314			TEG	TEG
315			TIX	TIX
316			TN1	TN1
317			TNH	TNH
318			TNT	TNT
319			TVS	TVS
320			VCA	VCA
321			VPS	VPS
322			YBM	YBM

- Đường link đăng tải thông tin nói trên trên website của công ty:

https://www.abs.vn/uploads/files/2022/08/02/Danh_m%E1%BB%A5c_s%C3%A0n_HSX_v%C3%A0_HNX_th%C3%A1ng_07_2022.pdf

Chúng tôi cam kết và chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của báo cáo này

-Kính báo cáo Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Người lập

Phó Tổng Giám đốc

Trần Thị Thu Hương

Hoàng Thị Thu Hiền

